NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1793 /QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện học Anh văn chuyên ngành đối với sinh viên hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao (tiếng Anh bán phần) Đợt tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành "Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh";

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh";

Căn cứ Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo;

Căn cứ Quy chế 1583/QĐ-ĐHNH, ngày 07/09/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3786/QĐ-ĐHNH ngày 21/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 1583/QĐ-ĐHNH, ngày 07/09/2021;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn tiếng Anh giai đoạn đào tạo đại cương (tương đương trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo tiêu chuẩn Việt Nam) đối với 106 sinh viên đại học chính quy chương trình chất lượng cao (tiếng Anh bán phần) đợt tháng 5 năm 2024.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.

HIỆU TRƯỞNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. Nguyễn Đức Trung

NƯỚC VIỆT NAM
ƯỜNG
NGÂN HÀNG
H PHỐ
HÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO (TIẾNG ANH BÁN PHẦN) ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định: 1893 /QĐ-ĐHNH, ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
						VSTEP	TOEFL IBT	IELTS	
1	050610220799	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/02/2004	HQ10-GE14	3/6			
2	050610220801	Nguyễn Trần Vân	Anh	06/07/2004	HQ10-GE31	3/6			
3	050611230089	Văn Trịnh Nhã	Anh	14/07/2005	HQ11-MAG03	3/6			
4	050610220782	Đàm Lê Quỳnh	Anh	27/05/2004	HQ10-GE06	3/6			
5	050610220791	Lê Hoàng Kim	Anh	29/01/2004	HQ10-GE13	3/6			
6	050610220812	Trịnh Thị Lan	Anh	13/01/2004	HQ10-GE13	3/6			
7	050610220069	Nguyễn Phúc	Bảo	26/09/2004	HQ10-GE21	3/6			
8	050611230141	Diệp Tô Thư	Cát	11/08/2005	HQ11-BAF15	3/6			
9	050610220860	Nguyễn Ngọc	Dung	10/06/2004	HQ10-GE22	3/6			
10	050610220094	Đỗ Trọng Thùy	Dung	22/06/2004	HQ10-GE31	3/6			
11	050610220099	Nguyễn Thị Kim	Dung	10/12/2004	HQ10-GE15	3/6			
12	050610220096	Lê Thái Phương	Dung	07/01/2004	HQ10-GE08	3/6			
13	050610220863	Đới Sỹ Tiến	Dũng	26/04/2004	HQ10-GE31	3/6			
14	050610220114	Lê Lương Thị Ánh	Dương	07/11/2004	HQ10-GE15	3/6			
15	050610220116	Nguyễn Thị Hải	Dương	29/10/2004	HQ10-GE15	3/6			
16	050611230246	Nguyễn Thanh	Duyên	30/03/2005	HQ11-BAF08	3/6			
17	050610220895	Huỳnh Trúc	Giang	16/06/2004	HQ10-GE07	3/6			
18	050611230271	Lê Ngọc	Hà	29/10/2005	HQ11-BAF01	3/6			
19	050610220176	Tô Thị Ngọc	Hiền	08/12/2004	HQ10-GE05	3/6			
20	050610220941	Trương Hồng	Hoa	15/04/2004	HQ10-GE21	3/6			
21	050610220942	Đồng Đặng	Hòa	28/01/2004	HQ10-GE20	3/6			
22	050610220188	Hà Trọng	Hoàng	24/07/2004	HQ10-GE25	3/6			
23	050610220222	Trần Thị Hoài	Hương	05/07/2004	HQ10-GE29	3/6			
24	050610220966	Ngô Thanh	Hương	13/09/2004	HQ10-GE01	3/6			
25	050610220219	Ngô Thị Lan	Hương	13/08/2004	HQ10-GE03	3/6			
26	050611230431	Nguyễn Minh	Huy	26/10/2005	HQ11-BAF16	3/6			
27	050610220210	Ngô Ngọc	Huyền	03/03/2004	HQ10-GE23	3/6			
28	050611230462	Huỳnh Nhựt	Kha	20/10/2005	HQ11-BAF14	3/6			
29	050611230464	Nguyễn Minh	Kha	08/04/2005	HQ11-BAF13	3/6			
30	050611230494	Tạ Quốc	Khánh	01/09/2005	HQ11-BAF12			5.5	

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
						VSTEP	TOEFL IBT	IELTS	
31	050610220996	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	14/12/2004	HQ10-GE27	3/6			
32	050610220244	Trần Đăng	Khoa	19/03/2004	HQ10-GE24	3/6			
33	050610221004	Hồ Trung	Kiên	12/10/2004	HQ10-GE14	3/6			
34	050611230539	Mạc Đan	Lê	17/01/2005	HQ11-BAF14	3/6			
35	050610220278	Phùng Ngọc	Linh	02/03/2004	HQ10-GE26	3/6			
36	050610221029	Lê Hoàng Thảo	Linh	18/08/2004	HQ10-GE06	3/6			
37	050610221027	Đặng Phương	Linh	19/05/2004	HQ10-GE01	3/6			
38	050610220285	Nguyễn Quang	Lộc	26/06/2004	HQ10-GE20	3/6			
39	050610220307	Lê Đoàn Diễm	My	15/07/2004	HQ10-GE10	3/6			
40	050610221117	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	14/09/2004	HQ10-GE28	3/6			
41	050610220329	Đoàn Dương Kim	Ngân	11/10/2004	HQ10-GE09	3/6			
42	050610221111	Huỳnh Thị Kim	Ngân	30/04/2004	HQ10-GE29	3/6			
43	050610220339	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	18/07/2004	HQ10-GE16	3/6			
44	050610221109	Đinh Thị Kim	Ngân	08/06/2004	HQ10-GE21	3/6			
45	050610221118	Nguyễn Trúc	Ngân	27/09/2004	HQ10-GE20	3/6			
46	050611230761	Lý Gia	Nghi	02/10/2005	HQ11-BAF02	3/6			
47	050610220353	Lâm Hồng	Ngọc	13/03/2004	HQ10-GE24	3/6			
48	050611230791	Nguyễn Hồng	Ngọc	13/01/2005	HQ11-BAF14	3/6			
49	050611230771	Bùi Thị Như	Ngọc	17/11/2005	HQ11-MAG02	3/6			
50	050610220384	Đào Anh	Nhật	07/10/2004	HQ10-GE30	3/6			
51	050610220381	Nguyễn Minh	Nhật	31/08/2004	HQ10-GE29	3/6			
52	050610221173	Lương Nguyễn Huyền	Nhi	28/12/2004	HQ10-GE04	3/6			
53	050610221176	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	10/02/2004	HQ10-GE21	3/6			
54	050610221169	Lê Nguyễn Ngọc	Nhi	13/08/2004	HQ10-GE30	3/6			
55	050610220423	Nguyễn Huỳnh	Như	21/03/2004	HQ10-GE32	3/6			
56	050610220429	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/10/2004	HQ10-GE10	3/6			
57	050610221198	Châu Ngọc	Như	02/11/2004	HQ10-GE05	3/6			
58	050610220437	Vũ Hoàng	Như	20/11/2004	HQ10-GE10	3/6			
59	050610220421	Lê Thị Ánh	Như	22/08/2004	HQ10-GE25	3/6			
60	050610221199	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Như	08/11/2004	HQ10-GE20	3/6			
61	050610221211	Nguyễn Quỳnh	Như	26/06/2004	HQ10-GE19	3/6			
62	050610220442	Dương Thị Kim	Oanh	30/11/2003	HQ10-GE13	3/6			
63	050611230963	Đặng Thị Ngọc	Oanh	04/09/2005	HQ11-BAF10	3/6			
64	050610220448	Nguyễn Mạnh	Phát	18/04/2004	HQ10-GE28	3/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
						VSTEP	TOEFL IBT	IELTS	
65	050610221231	Nguyễn Thị Hồng	Phiến	24/03/2004	HQ10-GE32	3/6			
66	050611230991	Phan Thị Hưng	Phú	02/09/2005	HQ11-BAF02	3/6			
67	050610221235	Nguyễn Minh	Phú	21/10/2004	HQ10-GE17	3/6			
68	050610221245	Huỳnh Nguyễn Khánh	Phương	10/07/2004	HQ10-GE26	3/6			
69	050610220478	Vũ Bích	Phương	24/04/2004	HQ10-GE07	3/6			
70	050610221257	Nguyễn Vũ Anh	Phương	20/11/2004	HQ10-GE15	3/6			
71	050610220470	Nguyễn Thu	Phương	20/05/2004	HQ10-GE31	3/6			
72	050610221272	Nguyễn Minh	Quyên	15/10/2004	HQ10-GE04	3/6			
73	050610221285	Trần Thị Như	Quỳnh	09/05/2004	HQ10-GE17	3/6			
74	050611231087	Võ Minh	Sang	15/08/2005	HQ11-BAF18	3/6			
75	050610220525	Phạm Thị Thanh	Tâm	27/11/2004	HQ10-GE25	3/6			
76	050610220526	Trần Băng	Tâm	20/04/2004	HQ10-GE26	3/6			
77	050610221302	Bùi Thị Hồng	Thanh	08/02/2004	HQ10-GE16	3/6			
78	050610221309	Trần Thị Mỹ	Thanh	26/02/2004	HQ10-GE18	3/6			
79	050611231157	Phạm Thanh	Thảo	03/09/2005	HQ11-ACC05	3/6			
80	050610220559	Nguyễn Thị Mai	Thi	05/05/2004	HQ10-GE08	3/6			
81	050610220568	Nguyễn Thị Kim	Thoa	20/10/2004	HQ10-GE12	3/6			
82	050610221383	Nguyễn Thanh	Thư	23/09/2004	HQ10-GE18	3/6			
83	050610220608	Phạm Thị Hoài	Thương	16/02/2004	HQ10-GE13	3/6			
84	050610220578	Lương Thị	Thúy	22/01/2004	HQ10-GE21	3/6			
85	050610221354	Trương Thị Thanh	Thủy	14/04/2004	HQ10-GE18	3/6			
86	050610221403	Phạm Hà	Thy	13/11/2004	HQ10-GE28	3/6			
87	050611231283	Nguyễn Lê Thuỷ	Tiên	17/05/2005	HQ11-BAF07	3/6			
88	050610220619	Mai	Tiến	06/08/2003	HQ10-GE16	3/6			
89	050609211489	Nguyễn Thị	Tím	26/03/2003	HQ9-GE27	3/6			
90	050610221421	Phan Thiên	Toàn	23/03/2004	HQ10-GE29	3/6			
91	050610221445	Trần Thị Mỹ	Trâm	16/04/2004	HQ10-GE19	3/6			
92	050611231320	Thái Lâm Thùy	Trâm	02/09/2005	HQ11-BAF10	3/6			
93	050610220629	Hồ Thị Huyền	Trang	12/05/2003	HQ10-GE25	3/6			
94	050610220637	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	01/05/2004	HQ10-GE17	3/6			
95	050610221465	Huỳnh Thị Mỹ	Trinh	27/05/2004	HQ10-GE17	3/6			
96	050610220666	Lê Thị Phương	Trinh	22/03/2004	HQ10-GE20	3/6			
97	050610221475	Trần Diễm	Trinh	03/09/2004	HQ10-GE32	3/6			
98	050610221477	Hồ Sư	Trọng	06/03/2004	HQ10-GE25	3/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			GHI CHÚ
						VSTEP	TOEFL IBT	IELTS	
99	050610221481	Nguyễn Thị Hoa	Trúc	18/07/2004	HQ10-GE16	3/6			
100	050610220709	Tô Nguyễn Nhật	Uyên	16/09/2004	HQ10-GE07	3/6			
101	050610221528	Trần Huỳnh Thuý	Vân	12/03/2004	HQ10-GE08	3/6			
102	050610220719	Nguyễn Thị Lan	Vi	12/01/2004	HQ10-GE05	4/6			
103	050610220731	Đặng Nguyễn Khánh	Vy	25/01/2004	HQ10-GE08	3/6			
104	050610221572	Nguyễn Hoàng Như	Xuân	22/02/2004	HQ10-GE25	3/6			
105	050610220761	Nguyễn Thị Kim	Xuân	18/01/2003	HQ10-GE10	3/6			
106	050610220766	Mai Như Thiên	Ý	01/11/2004	HQ10-GE27	3/6			

Tổng số:106 sinh viên